

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI 18 - 24 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG:

Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Ghi chú
1. Lĩnh vực phát triển thể chất:		
a. Phát triển vận động		
* Trẻ biết thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp 1. Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	
* Trẻ biết thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu 2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (Ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m. 3. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Biết lăn bắt bóng với cô. 4. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản. 5. Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bóng bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	- Tập bò, trườn: + Bò tới đích. + Trườn tới đích. + Bò chui qua cổng. + Bò đến vật chuẩn. + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao). + Trườn qua vật cản - Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng. + Đi trong đường hẹp. + Đi bước qua vật cản. + Tập bước lên xuống bậc thang. + Đi có mang vật trên tay. + Đi theo hiệu lệnh. - Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném bóng. + Lăn, bắt bóng cùng cô. + Tung bóng qua dây. + Ném bóng bằng 1 tay về phía trước. + Ném bóng vào rổ.	
* Trẻ biết thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay 6. Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.	

2 ngón tay.	- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	
7. Trẻ tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2 – 3 khối trụ.		
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
8. Chiều cao cân nặng phù hợp với độ tuổi	- Trẻ Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. <i>Trẻ 18 tháng tuổi:</i> + Cân nặng BT của bé: Bé trai: 8,9 - 14,0 kg, Bé gái: 8,20 - 13,5 kg + Chiều cao BT của bé: Bé trai: 78,0 - 89,0cm, Bé gái: 76,0 - 88,0 cm <i>Trẻ 24 tháng tuổi:</i> + Cân nặng BT của bé : Bé trai: 9,75 - 15,4 kg, Bé gái 9,00 -14,9 kg + Chiều cao BT của bé: Bé trai: 81,3 - 94,0 cm, Bé gái: 80,0- 92,6 cm	
* Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt 9. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau. 10. Ngủ 1 giấc buổi trưa. 11. Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	
* Trẻ biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe 12. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ	

	sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
* Trẻ nhận biết được và tránh một số nguy cơ không an toàn 13. Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (Phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở. 14. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ, bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm. - Cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ. Không được đến gần bếp ăn, ổ điện, bật lửa, phích nước nóng, xô xe máy, máy nổ, cháy nhà. - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy. - Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn - Không chơi nghịch vật sắc nhọn như dao, kéo, leo trèo lan can.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
* Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác 15. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn.	
* Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói		

16. Trẻ biết bắt chước những hành động đơn giản của những người thân. 17. Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi. 18. Trẻ biết chỉ vào hoặc nói được tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi. 19. Trẻ biết chỉ/ lấy/ nói được tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn. 20. Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp. - Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên một số đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả. - Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
* Trẻ biết nghe hiểu lời nói 21. Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay... 22. Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy !”; “Không được sờ !”... 23. Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây ?”: “Con gì đây ?”; “Cái gì đây ?”...	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì? - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh. - Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động.	
* Trẻ biết Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		

24. Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi... 25. Trẻ đọc được tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	
* Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp: 26. Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm... 27. Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	- Trả lời và đặt câu hỏi: “ con gì ?”; “cái gì ?”; “ làm gì ? ”. - Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng câu đơn giản	
28. Làm quen với sách	- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh. - Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
* Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân 29. Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh của bản thân.	
* Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi. 30. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi. 31. Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Giao tiếp với cô và bạn - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh. - Kỹ năng kiểm soát cảm xúc: + Khi được khen trẻ tươi vui phấn khởi, nhảy múa. + Khi bị chê trẻ giận dỗi, nét mặt buồn, ủ rũ, khóc...	

32. Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	* Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: - Khi người lạ bế, trẻ biết gào khóc, kêu gọi người thân. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các con vật nuôi	
* Thực biết thực hiện hành vi xã hội đơn giản. 33. Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở. 34. Trẻ bắt trước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại ...). 35. Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”. - Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình: + Trẻ biết xin khi được người khác cho quà. - Tập làm các hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...) - Làm theo một số yêu cầu đơn giản của cô.	
* Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh. 36. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay,...). 37. Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	STT	Tháng	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
11/9 - 6/10	1	Tháng thứ nhất	4	Tết trung thu 15/8 âm (29/9 dương)	
9/10 - 3/11	2	Tháng thứ hai	4	Thành lập hội LHPNVN 20/10	

